

BẢN SAO

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2014

và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
CHỨNG THỰC BẢN SAO HỢP NHẤT VỚI BẢN CHÍNH
đã được kiểm toán

16-09-2015

Thanh

SỐ CHỨNG THỰC 22696 QUYỀN SỞ 04 SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN CẢNH QUANG

MỤC LỤC

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	7 – 39
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 – 13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	14 – 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thăng Long - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHAI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty Cổ phần thông qua việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105020 ngày 28 tháng 5 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 06, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 300.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các Công ty con trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 39).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Quang Dũng	Chủ tịch
Ông Khương Thế Duy	Ủy viên
Ông Vũ Hồng Phương	Ủy viên
Ông Mai Trọng Thịnh	Ủy viên
Ông Lê Đăng Khoa	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Vũ Hồng Phương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/6/2014
Ông Phan Quốc Hiếu	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11/6/2014
Ông Khương Thế Duy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Ngọc Ban	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Văn Rạng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 07/11/2014
Ông Nguyễn Quang Tuýnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/9/2014
Ông Đỗ Lê Khang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03/11/2014
Ông Lê Văn An	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

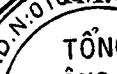
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2015


 Tổng Giám đốc
 Tổng Giám đốc *[Signature]*
[Signature]
 Vũ Hồng Phương

Số : 241./2015/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP, được lập ngày 19 tháng 6 năm 2015, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Thăng Long – CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Báo cáo kiểm toán độc lập này phát hành lại, thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 172/2015/BCKT-AASCN ngày 09 tháng 4 năm 2015 của chúng tôi về Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP. Nguyên nhân do Báo cáo kiểm toán độc lập số 172/2015/BCKT-AASCN có ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc Báo cáo tài chính năm 2014 của một số Công ty liên kết, liên doanh sử dụng để phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất chưa được kiểm toán. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo báo cáo này được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của các Công ty liên kết, liên doanh đã được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập.

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2015

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Kiểm toán viên

Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	28/5/2014
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.570.376.274.570	-
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		61.283.692.488	-
1.	Tiền	111	V.01	61.283.692.488	-
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.136.104.319.521	-
1.	Phải thu khách hàng	131		1.086.398.880.617	-
2.	Trả trước cho người bán	132		37.582.423.293	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	59.765.892.467	-
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(47.642.876.856)	-
IV.	Hàng tồn kho	140		292.597.181.569	-
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	292.597.181.569	-
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		80.391.080.992	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.458.959.559	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		33.158.927.745	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	222.856.608	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	38.550.337.080	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	28/5/2014
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		230.004.605.215	-
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		79.483.123.496	-
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	58.551.607.165	-
	- Nguyên giá	222		282.074.721.343	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(223.523.114.178)	-
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.07	11.981.000.000	-
	- Nguyên giá	228		11.981.000.000	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	8.950.516.331	-
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		125.165.421.065	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.09	119.264.122.476	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	12.716.298.589	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.11	(6.815.000.000)	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		25.356.060.654	-
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	24.356.060.654	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		1.000.000.000	-
VI.	Lợi thế Thương mại			-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.800.380.879.785	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	28/5/2014
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.434.698.970.156	-
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.411.421.096.167	-
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	343.826.153.801	-
2.	Phải trả người bán	312		415.298.355.203	-
3.	Người mua trả tiền trước	313		431.462.450.291	-
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	60.423.138.034	-
5.	Phải trả người lao động	315		46.630.746.352	-
6.	Chi phí phải trả	316	V.15	9.790.061.735	-
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	103.543.463.238	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		446.727.513	-
II.	Nợ dài hạn	330		23.277.873.989	-
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		5.906.533.574	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		6.020.449.965	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.17	11.350.890.450	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		353.787.162.504	-
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.18	353.787.162.504	-
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		27.916.576.545	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		27.019.738	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		37.267.531	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		25.806.298.690	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C.	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ			11.894.747.125	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.800.380.879.735	-

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	28/5/2014
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại			
	USD		20.367,39	-
	EUR		935,14	-
	JPY		81.850,00	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

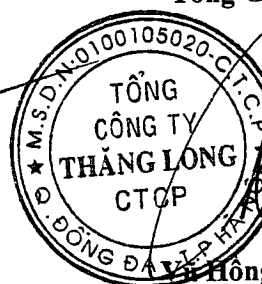
Tổng Giám đốc

Shenck

Nguyễn Quang Thanh



Lê Văn An



Vũ Hồng Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 28/5/2014 đến 31/12/2014
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.669.228.585.280
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.669.228.585.280
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.487.642.937.050
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		181.585.648.230
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	25.863.111.243
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	34.069.032.568
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		26.839.351.948
8.	Chi phí bán hàng	24		-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		120.169.318.561
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		53.210.408.344
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	9.675.154.135
12.	Chi phí khác	32	VI.06	10.686.804.082
13.	Lợi nhuận khác	40		(1.011.649.947)
14.	Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			(14.213.683.709)
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37.985.074.688
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	11.040.466.129
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		26.944.608.559
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1.081.272.800
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		25.863.335.759
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	862

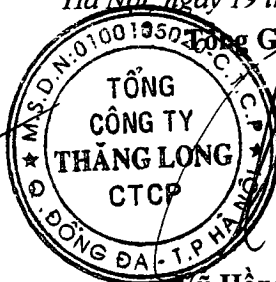
Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Quang Thanh

Lê Văn An

Vũ Hồng Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 28/5/2014 đến 31/12/2014
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.319.166.130.746
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.201.587.515.620)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(114.949.675.914)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(30.350.351.678)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(3.952.800.910)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		483.311.999.104
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(296.280.812.780)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		155.356.972.948
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.502.058.843)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		4.205.131.824
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.590.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		19.111.770.060
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		22.404.843.041

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 28/5/2014 đến 31/12/2014
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		516.212.838.349
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(632.442.720.598)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(249.780.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(116.479.662.249)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		61.282.153.740
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		-
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.538.748
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		61.283.692.488

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Thanh



Lê Văn An



Vũ Hồng Phương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các Công ty con trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**04. Thông tin về Công ty con được hợp nhất**

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2014
Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	Số 89, ngõ 1141, đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	83,00%
Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	Thôn Cổ Diễn, xã Hải Bối, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	51,13%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long (*)	Số 134 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	84,21%

(*): Công ty Cổ phần Cầu 12 Thăng Long trở thành Công ty liên kết từ ngày 27 tháng 11 năm 2014.

05. Thông tin về Công ty liên kết, liên doanh được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ

Tên Công ty liên kết, liên doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2014
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long	Số 49 Lãng Yên, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.	20,80%
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	36,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	38,63%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	Đường Nguyễn Huệ, phường Nam Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.	32,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 17 Thăng Long	127B, Đinh Tiên Hoàng, phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.	28,89%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, Cổ Nhuế, Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	30,31%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	127B, Đinh Tiên Hoàng, phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.	36,00%
Công ty Cổ phần Thí nghiệm và Xây dựng Thăng Long	Tân Xuân, Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	49,00%
Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	Số 26 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	36,00%

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên Công ty liên kết, liên doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2014
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, thôn Tân Xuân, xã Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	36,45%
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải Thăng Long	Số 3, đường Cù Lan Chính, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.	29,98%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội	36,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	Số 134 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành Phố Hà Nội	46%
Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	Số 134 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành Phố Hà Nội	23,15%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Thăng Long	Số 289 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành Phố Hà Nội	34,36%
Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui – Thăng Long	Thôn Xâm Dương, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.	45,55%
Công ty TNHH Bê tông Mê công Thăng Long	Xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	49,00%
Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	Đường Chu Mạnh Trinh, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	49,41%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty là năm tài chính đầu tiên Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Cơ sở hợp nhất

Các Công ty con

Các Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày Tổng Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của Công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Tổng Công ty mẹ và các Công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
- TSCĐ hữu hình khác	05 – 10 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

07. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;
- Chi phí san lấp mặt bằng;
- Giá trị lợi thế kinh doanh theo Báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp của Tổng Công ty Thăng Long – CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2013. Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 03 năm khi Tổng Công ty Thăng Long - CTCP chính thức chuyển sang Công ty cổ phần.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Tổng Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*Đơn vị tính: VND***01. Tiền**

	31/12/2014	28/5/2014
- Tiền mặt	6.152.130.841	-
- Tiền gửi ngân hàng	55.131.561.647	-
Cộng	61.283.692.488	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2014	28/5/2014
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	16.690.368.815	-
- Phải thu của người lao động	18.000.000	-
- Phải thu khác	43.057.523.652	-
+ Ban điều hành gói 9 đường vào cảng Cái Lân	2.259.849.387	-
+ Ban điều hành đường dẫn Vĩnh Long	2.895.623.923	-
+ Thu tiền bán vé cầu Yên Lệnh	6.247.722.957	-
+ Ban điều hành Bắc Ninh - Nội Bài	1.056.949.196	-
+ Ban điều hành dự án Liên danh gói thầu xây lắp số 4 - cao tốc Quảng Ngãi - Đà Nẵng	920.721.221	-
+ Ban điều hành dự án Liên danh gói thầu 3A cầu Kỳ Lam	1.088.259.566	-
+ Ban quản lý dự án 6 gói thầu cầu Thẩm	6.445.180.000	-
+ Phải thu tiền cho cán bộ công nhân viên vay	845.905.000	-
+ Các đối tượng khác	21.297.312.402	-
Cộng	59.765.892.467	-

03. Hàng tồn kho

	31/12/2014	28/5/2014
- Nguyên liệu, vật liệu	12.545.108.357	-
- Công cụ, dụng cụ	784.642.856	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	279.267.430.356	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	292.597.181.569	-

04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2014	28/5/2014
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	134.180.268	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa	88.676.340	-
Cộng	222.856.608	-

05. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	28/5/2014
- Tạm ứng	27.228.557.004	-
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.321.780.076	-
Cộng	38.550.337.080	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	2.324.515.690	-	-	-	2.324.515.690
- Tăng do bàn giao cổ phần hóa	59.859.023.355	197.023.853.855	31.587.209.760	4.256.545.746	2.939.001.282	295.665.633.998
- Phân loại lại tài sản	(550.085.165)	550.085.165	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(1.829.400.000)	(7.800.104.361)	(4.855.332.635)	(140.447.522)	-	(14.625.284.518)
- Giảm khác	-	(1.126.619.523)	-	(163.524.304)	-	(1.290.143.827)
<i>Số dư cuối năm</i>	57.479.538.190	190.971.730.826	26.731.877.125	3.952.573.920	2.939.001.282	282.074.721.343
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	1.360.849.989	5.844.418.227	1.329.733.506	358.201.524	-	8.893.203.247
- Tăng do bàn giao cổ phần hóa	39.287.847.483	158.171.172.461	22.638.545.052	2.562.553.356	2.939.001.282	225.599.119.634
- Phân loại lại tài sản	(359.370.809)	355.773.865	10.795.455	(7.198.511)	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(554.190.000)	(6.740.619.765)	(2.864.900.353)	(115.284.006)	-	(10.274.994.124)
- Giảm khác	(340.243.620)	(239.902.938)	-	(114.068.021)	-	(694.214.579)
<i>Số dư cuối năm</i>	39.394.893.043	157.390.841.850	21.114.173.660	2.684.204.342	2.939.001.282	223.523.114.178
Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-	-	-	-	-
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	18.084.645.147	33.580.888.976	5.617.703.465	1.268.369.578	-	58.551.607.165

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 43.874.011.283 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 104.952.110.531 đồng và 12.684.738.661 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Tam Trinh và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-
- Mua trong năm	-	-
- Tăng do bàn giao Cổ phần hóa	17.508.184.000	17.508.184.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm do không còn quan hệ mẹ con	-	-
- Giảm khác (*)	(5.527.184.000)	(5.527.184.000)
<i>Số dư cuối năm (**)</i>	11.981.000.000	11.981.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm do không còn quan hệ mẹ con	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	-	-
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	11.981.000.000	11.981.000.000

(*): Là chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long chuyển sang theo dõi trên khoản mục Chi phí trả trước dài hạn.

(**): Là giá trị quyền sử dụng đất tại số 99 đường Nguyễn Văn Trỗi, phường 12, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long.

08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014	28/5/2014
Bao gồm các công trình:		-
- Tòa tháp Thăng Long Phạm Văn Đồng	1.850.707.012	-
- Khu Công nghiệp Đông Anh	31.874.512	-
- Văn phòng Phạm Văn Đồng	3.396.323.832	-
- Công trình nhà điều hành	723.579.819	-
- Công trình xưởng chế tạo kết cấu thép và thiết bị cơ khí Huế	460.477.250	-
- Công trình xưởng Lào Cai	1.811.633.503	-
- Khác	675.920.403	-
Cộng	8.950.516.331	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2014		28/5/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào công ty liên kết		77.719.887.531		-
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long	197.600	-	-	-
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	735.980	14.868.051.025	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long	262.950	3.689.127.473	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	160.000	1.817.770.450	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	234.000	5.601.879.003	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	154.557	1.639.225.655	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	360.000	4.326.624.828	-	-
- Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long	303.800	3.667.504.740	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 Thăng Long	2.016.000	13.542.598.867	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	540.000	1.866.805.000	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	403.641	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tải Thăng Long	131.000	3.086.668.454	-	-
- Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	555.624	6.517.254.388	-	-
- Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây dựng Công trình Thăng Long	118.900	979.156.710	-	-
- Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh		15.717.220.938	-	-
- Công ty Cổ phần Cầu 12 Thăng Long	255.052	-	-	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Thăng Long	40.000	400.000.000	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh		41.544.234.945		-
- Công ty Liên doanh Mitsui Thăng Long		29.884.874.065		-
- Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Thăng Long		11.659.360.880		-
Cộng		119.264.122.476		-

10. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2014		28/5/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư cổ phiếu		12.716.298.589		-
+ Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	681.500	6.815.000.000	-	-
+ Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Thăng Long	429.841	5.601.298.589	-	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	30.000	300.000.000	-	-
Cộng		12.716.298.589		-

11. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014	28/5/2014
- Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	(6.815.000.000)	-
Cộng	(6.815.000.000)	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014	28/5/2014
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	19.696.843.189	-
- Giá trị lợi thế kinh doanh xác định khi cổ phần hoá	108.502.638	-
- Chi phí san lấp mặt bằng	4.550.714.827	-
Cộng	24.356.060.654	-

13. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014	28/5/2014
Vay ngắn hạn	343.826.153.801	-
- Vay ngân hàng	343.351.416.562	-
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long ^(a)	46.619.408.757	-
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội ^(b)	162.394.534.166	-
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở ^(c)	54.577.084.532	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ ^(d)	35.801.199.811	-
+ Ngân hàng TM CP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Huế ^(e)	12.949.149.296	-
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đông Anh ^(f)	2.354.010.000	-
+ Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT - CN Tam Trinh ^(g)	22.526.493.000	-
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh ^(h)	6.129.537.000	-
- Vay đối tượng khác	474.737.239	-
+ Ông Trần Văn Mỹ	474.737.239	-
Cộng	343.826.153.801	-

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 9,5%/năm;

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 9,5%/năm;

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc tín chấp, lãi suất 9,5%/năm;

(d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản sau:

✓ Tài sản trên đất tại số 22 ngõ 64 Phố Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội;

✓ Tài sản gắn liền với đất tại số 89 ngõ 1141, đường Giải Phóng;

✓ Các tài sản hợp pháp khác của bên vay;

Lãi suất 8%/năm;

(e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Huế để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị quyền sử dụng đất số 14 Phan Chu Trinh, thành phố Huế, lãi suất 9,5%/năm đến 11%/năm;

(f) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đông Anh để bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền đòi nợ từ Ban quản lý các Dự án trọng điểm phát triển đô thị Hà Nội theo Hợp đồng thi công số 16/2013/HĐ-MPMU-7H ngày 01/10/2013, lãi suất 11%/năm;

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (g) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Tam Trinh để bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 27 máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01HĐTC/TT-C3 ký ngày 06/5/2013 giữa Ngân hàng Nông và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tam Trinh với Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long và khu đất tại phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, lãi suất 11%/năm;
- (h) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Đông Anh để bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 17 máy móc thiết bị của Công ty theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1541/HĐCC ký ngày 19/02/2002 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam chi nhánh Đông Anh với Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long, lãi suất 11%/năm.

*Đơn vị tính: VND***14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2014	28/5/2014
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	31.119.934.316	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.567.394.846	-
- Thuế thu nhập cá nhân	8.354.462.863	-
- Thuế tài nguyên	274.137.677	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	5.535.154.097	-
- Các loại thuế khác	5.962.956.741	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.609.097.494	-
Cộng	60.423.138.034	-

15. Chi phí phải trả

	31/12/2014	28/5/2014
- Trích trước chi phí lãi vay phải trả ODA	8.006.532.004	-
- Trích trước chi phí lãi vay	1.235.529.194	-
- Chi phí cho các công trình	390.694.087	-
- Trích trước chi phí khác	157.306.450	-
Cộng	9.790.061.735	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	28/5/2014
- Kinh phí công đoàn	2.100.098.597	-
- Bảo hiểm xã hội	9.068.761.522	-
- Bảo hiểm y tế	123.428.290	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	54.068.086	-
- Phải trả về cổ phần hóa	7.113.688.606	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.872.286.540	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	74.211.131.597	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	1.004.314.900	-
+ Đội thi công cầu	6.657.270.362	-
+ Dự án cải tạo cầu Đường Sắt - Gói CP1D	1.000.000.000	-
+ Dự án Đường 188 Hải Dương	2.307.968.489	-
+ Ban điều hành gói 6 Cầu Phù Đồng	1.314.402.958	-
+ Ban điều hành gói PK1A dự án đường cao tốc HN-TN	1.148.050.539	-
+ Thu tiền bán vé cầu Yên Lệnh	15.517.434.000	-
+ Ban điều hành liên danh gói thầu PK2	1.465.791.250	-
+ Ông Cao Xuân Nam - Đội trưởng 301	892.997.401	-
+ Ông Đặng Văn Hoan - Đội 309	3.201.611.244	-
+ Ông Nguyễn Hữu Phúc	1.359.491.628	-
+ Ông Phạm Trọng Thanh	1.198.568.622	-
+ Xí nghiệp xây dựng số 2	1.728.408.824	-
+ Xí nghiệp thi công cơ giới	14.047.877.673	-
+ Các đối tượng khác	43.795.899.099	-
Cộng	103.543.463.238	-

17. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014	28/5/2014
Vay dài hạn	11.350.890.450	-
- Vay dài hạn ngân hàng	11.350.890.450	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long (*)	11.350.890.450	-
Cộng	11.350.890.450	-

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 9,5%/năm.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm theo bàn giao quyết toán cổ phần hóa	300.000.000.000	27.916.576.545	-	-	-	327.916.576.545
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	25.863.335.759	25.863.335.759
Tăng khác (*)	-	-	27.019.738	37.267.531	(57.037.069)	7.250.200
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	300.000.000.000	27.916.576.545	27.019.738	37.267.531	25.806.298.690	353.787.162.504

(*) Đây là quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long và Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long khi Tổng Công ty chuyển sang Công ty Cổ phần.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014
- Vốn góp của Nhà nước	105.000.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	195.000.000.000
Cộng	300.000.000.000

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

**Từ 28/5/2014
đến 31/12/2014**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu năm	-
+ Vốn góp tăng trong năm	300.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-
+ Vốn góp cuối năm	300.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2014	28/5/2014
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	-
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.000.000	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.000.000	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2014	28/5/2014
- Quỹ đầu tư phát triển	27.019.738	-
- Quỹ dự phòng tài chính	-	-
- Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	37.267.531	-
Cộng	64.287.269	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 28/5/2014 đến 31/12/2014
- Doanh thu bán hàng hóa	9.803.792.424
- Doanh thu hoạt động xây dựng	1.659.424.792.856
Cộng	1.669.228.585.280

02. Giá vốn hàng bán

	Từ 28/5/2014 đến 31/12/2014
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.450.724.721
- Giá vốn của hoạt động xây dựng	1.478.192.212.329
Cộng	1.487.642.937.050

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCPSố 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 28/5/2014 đến 31/12/2014
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.324.015.266
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.504.344.207
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	34.751.770
Cộng	25.863.111.243

04. Chi phí tài chính

	Từ 28/5/2014 đến 31/12/2014
- Lãi tiền vay	26.839.351.948
- Chiết khấu thanh toán lãi bán hàng trả chậm	375.295.069
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	37.846.803
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.538.748
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	6.815.000.000
Cộng	34.069.032.568

05. Thu nhập khác

	Từ 28/5/2014 đến 31/12/2014
- Thu thanh lý tài sản cố định	5.154.575.460
- Thu nhập khác	4.520.578.675
Cộng	9.675.154.135

06. Chi phí khác

	Từ 28/5/2014 đến 31/12/2014
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	4.350.290.394
- Chi phí khác	6.336.513.688
Cộng	10.686.804.082

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 28/5/2014 đến 31/12/2014
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	11.040.466.129
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	11.040.466.129

08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 28/5/2014 đến 31/12/2014
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	25.863.335.759
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	25.863.335.759
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	862

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 28/5/2014 đến 31/12/2014
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	278.702.796.987
- Chi phí nhân công	104.211.383.414
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.893.203.247
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	155.086.823.525
- Chi phí khác bằng tiền	48.355.982.896
- Chi phí thuê phụ	1.208.294.644.199
Cộng	1.803.544.834.268

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên chủ chốt như sau:

	Năm nay
- Lương và các khoản phụ cấp	6.547.733.104
Cộng	6.547.733.104

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cầu 12 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 7 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh	Công ty liên kết
Công ty Liên doanh Mitsui Thăng Long	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Thăng Long	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	Đầu tư dài hạn khác
Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	Đầu tư dài hạn khác
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	Đầu tư dài hạn khác

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

Từ 28/5/2014

đến 31/12/2014

Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	103.638.707.090
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	333.374.400
Cổ tức	10.261.969.192
Tạm ứng phục vụ thi công	269.487.661
Lãi vay phải thu	7.376.896.241
Bán hàng	71.725.946
Cung cấp dịch vụ	110.181.545
Sử dụng dịch vụ	
Công ty Cổ phần Cầu 12 Thăng Long	22.399.623.733
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	2.861.431.322
Lãi vay phải thu	264.000.000
Thuê kho bãi	10.000.000
Cung cấp dịch vụ khác	
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Thăng Long	327.272.727
Nhận nợ đo đạc PVT	931.739.513
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	
Công ty Cổ phần Thí nghiệm và Xây dựng Thăng Long	3.044.869.786
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	582.352.652
Chi phí thí nghiệm	1.100.812.871
Tạm ứng công trình	607.954.546
Chi phí xây dựng công trình	632.730.321
Sử dụng dịch vụ	
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	29.804.131.492
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	234.000.000
Cổ tức	2.517.076.233
Lãi vay phải thu	
Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	5.336.547.239
Chi phí chế tạo ống ghen luồn cáp	10.189.898
Nhận nợ chi phí BDH Dự án	208.247.434.576
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	265.454.546
Thuê xe ô tô	514.418.414
Cổ tức	47.808.487.192
Tạm ứng công trình	204.702.172
Bán hàng hóa, vật tư	175.162.435
Cho thuê máy phát điện	344.983.536
Cung cấp dịch vụ	206.720.000
Mua hàng	65.356.500
chi chi phí gia công	
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	33.662.792.872
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	1.488.301
Cổ tức	654.473.603
Lãi vay phải thu	23.719.282.382
Tạm ứng công trình	
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	24.172.895.468
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	153.600.000
Cổ tức	16.134.189.309
Tạm ứng công trình	151.714.138
Lãi vay phải thu	
Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	30.892.004.348
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	360.000.000
Cổ tức	268.448.767
Lãi vay phải thu	

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Từ 28/5/2014

đến 31/12/2014

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	
Cung cấp dịch vụ khác	92.024.318
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	1.762.582.525
Cổ tức	61.822.800
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long	
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	33.662.792.872
Tạm ứng công trình	4.524.894.000
Lãi vay phải thu	83.260.733
Thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành	5.328.961.717
Sử dụng dịch vụ (tiền điện)	66.593.637
Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	1.901.530.480
Cung cấp dịch vụ khác	76.974.318
Lãi vay phải thu	703.725.566
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	1.186.540.560
Cung cấp dịch vụ khác	10.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 10 Thăng Long	
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	23.389.169.264
Lãi vay phải thu	2.424.962.006
Cung cấp dịch vụ khác	189.564.224
Công ty Cổ phần Xây dựng Vận tải Thăng Long	
Nhận nợ	312.000.000
Tạm ứng công trình	6.586.512.085
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	12.392.442.682
Bán vật tư	1.129.982.500
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	
Cung cấp dịch vụ khác	10.000.000
Cho thuê kho bãi	264.000.000
Lãi vay phải thu	2.861.431.322
Thuê cầu phục vụ công trình Đông Trù	292.267.271
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	27.273.022.036
Cổ tức	735.980.000
Cung cấp dịch vụ khác	631.818.182
Lãi vay phải thu	1.265.140.522
Tạm ứng công trình	6.433.820.000
Sử dụng dịch vụ (tiền điện)	45.121.461
Công ty TNHH BOT Yên Lệnh	
Lãi cho vay	1.170.877.993
Công ty TNHH Bê tông Thăng Long-Mêkong	
Cho thuê dụng cụ sản xuất	430.222.590
Công ty TNHH Mitsui Thăng Long	
Cổ tức	1.800.558.292
Cung cấp cán bộ lao động	384.120.000
Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	
Cung cấp dịch vụ	10.000.000
Nhận nợ thầu phụ khối lượng công trình	8.115.292.909
Bán hàng	612.048.254
Sử dụng dịch vụ	36.480.000

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND
31/12/2014

Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	
+ Phải thu khách hàng	4.624.643.952
+ Phải thu khác	2.038.025.670
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 7 Thăng Long	
+ Phải thu khách hàng	23.150.181.132
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Thăng Long	
+ Phải thu khách hàng	10.028.968.982
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	
+ Trả trước cho người bán	10.000.000
+ Phải thu khách hàng	36.054.372.272
+ Phải thu khác	5.691.584.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long	
+ Trả trước cho người bán	10.000.000
+ Phải thu khách hàng	4.594.642.976
+ Phải thu khác	1.117.682.500
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	
+ Trả trước cho người bán	173.804.345
+ Phải thu khách hàng	35.832.430.120
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	
+ Phải thu khách hàng	32.811.316.565
+ Phải thu khác	657.773.280
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	
+ Phải thu khách hàng	40.675.746.424
+ Phải thu khác	461.753.772
Công ty Cổ phần Xây dựng số 10 Thăng Long	
+ Phải thu khách hàng	57.153.775.363
+ Phải thu khác	850.668.490
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	
+ Phải thu khách hàng	20.891.242.514
+ Phải thu khác	212.852.700
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	
+ Trả trước cho người bán	244.318.074
+ Phải thu khách hàng	81.777.090.207
+ Phải thu khác	1.389.181.492
Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	
+ Phải thu khác	56.942.899.731
Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	
+ Phải thu khách hàng	8.252.160.973
+ Phải thu khác	1.698.230.000
Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long	
+ Phải thu khách hàng	4.280.047.077
+ Phải thu khác	772.269.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	
+ Phải thu khách hàng	46.637.340.401
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	
+ Phải thu khách hàng	11.021.497.952
+ Phải thu khác	619.812.465
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải Thăng Long	
+ Phải thu khách hàng	14.512.020.201
+ Phải thu khác	290.847.145
Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	
+ Phải thu khách hàng	10.000.000

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

31/12/2014**Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Thăng Long**

+ Phải thu khách hàng

1.134.363.600

Cộng nợ phải thu**506.623.543.375****31/12/2014****Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long**

+ Phải trả người bán

28.985.602.665

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Thăng Long

+ Phải trả người bán

308.654.426

Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long

+ Phải trả người bán

20.310.850.245

Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long

+ Phải trả người bán

3.279.159.254

Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long

+ Phải trả người bán

3.365.062.691

Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long

+ Phải trả người bán

9.319.254.653

Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long

+ Phải trả người bán

23.252.263.886

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long

+ Phải trả người bán

3.752.802.073

Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long

+ Phải trả người bán

86.177.555.229

Công ty Cổ phần Cầu 12 Thăng Long

+ Phải trả người bán

18.373.202.797

Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long

+ Phải trả người bán

27.181.800.276

Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long

+ Phải trả người bán

1.718.865.387

Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 7 Thăng Long

+ Phải trả người bán

34.966.555.545

Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long

+ Phải trả người bán

5.670.221.667

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long

+ Phải trả người bán

8.294.651.189

Công ty Cổ phần Xây dựng số 10 Thăng Long

+ Phải trả người bán

11.087.514.073

Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải Thăng Long

+ Phải trả người bán

2.323.767.796

Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long

+ Phải trả người bán

2.328.407.012

Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh

+ Phải trả khác

15.517.434.000

Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Thăng Long

+ Phải trả người bán

4.620.278.134

Cộng nợ phải trả**310.833.902.988**

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Tổng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ.
- Lĩnh vực 2: Thương mại, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Thông tin Bộ phận theo khu vực địa lý: toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	<u>Xây dựng</u>	<u>Thương mại</u>	<u>Cộng</u>
Từ 28/5/2014 đến 31/12/2014			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.659.424.792.856	9.803.792.424	1.669.228.585.280
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-		-
- Chi phí phân bổ	1.605.384.779.670	10.633.397.266	1.616.018.176.936
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	54.040.013.186	(829.604.842)	53.210.408.344
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	9.533.957.220	88.649.436	9.622.606.656
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	17.885.024.197	166.300.025	18.051.324.222
Số dư cuối năm			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.601.636.008.352	12.295.757.880	1.613.931.766.232
- Tài sản không phân bổ	-	-	186.449.113.553
	<u>1.601.636.008.352</u>	<u>12.295.757.880</u>	<u>1.800.380.879.785</u>
Tổng tài sản	<u>1.421.039.019.033</u>	<u>13.213.223.610</u>	<u>1.434.252.242.643</u>
- Nợ phải trả bộ phận	-	-	446.727.513
- Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-
	<u>1.421.039.019.033</u>	<u>13.213.223.610</u>	<u>1.434.698.970.156</u>
Tổng nợ phải trả			

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	31/12/2014		28/5/2014		31/12/2014	28/5/2014
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.283.692.488	-	-	-	61.283.692.488	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.146.164.773.084	(47.642.876.856)	-	-	1.098.521.896.228	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	12.716.298.589	(6.815.000.000)	-	-	19.531.298.589	-
Cộng	1.220.164.764.161	(54.457.876.856)	-	-	1.179.336.887.305	-

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014	28/5/2014	31/12/2014	28/5/2014
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	421.204.888.777	-	421.204.888.777	-
Vay và nợ	355.177.044.251	-	355.177.044.251	-
Chi phí phải trả	9.790.061.735	-	9.790.061.735	-
Các khoản phải trả khác	80.231.581.562	-	80.231.581.562	-
Cộng	866.403.576.325	-	866.403.576.325	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**04. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tổng Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tổng Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/12/2014				
Phải trả cho người bán	415.298.355.203	5.906.533.574	-	421.204.888.777
Vay và nợ	343.826.153.801	11.350.890.450	-	355.177.044.251
Chi phí phải trả	9.790.061.735	-	-	9.790.061.735
Các khoản phải trả khác	74.211.131.597	6.020.449.965	-	80.231.581.562
Cộng	843.125.702.336	23.277.873.989	-	866.403.576.325
28/5/2014				
Phải trả cho người bán	-	-	-	-
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-

06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

07. Thông tin so sánh

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2014 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là năm tài chính đầu tiên kể từ khi Tổng Công ty Thăng Long - CTCP chuyển thành Công ty Cổ phần nên không có số liệu so sánh.

08. Thông tin về hoạt động liên tục

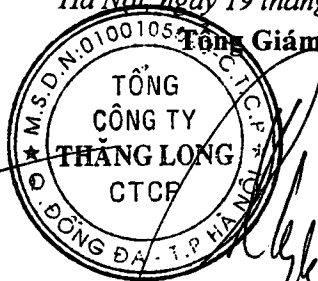
Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Thanh

Lê Văn An

Vũ Hồng Phương